

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 08/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1558/TTr-SGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 23 thủ tục hành chính mới ban hành; 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 14 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung 01 TTHC và bãi bỏ 01 TTHC tại Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa nội dung lĩnh vực Đường bộ và Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa;

- Sửa đổi, bổ sung 01 TTHC và bãi bỏ 01 TTHC tại Quyết định số 3556/QĐ-UBND ngày 6/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực Đường bộ, Đường thủy

nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải; UBND cấp huyện; UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa;

- Bãi bỏ 01 TTHC tại Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa nội dung lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa;

- Bãi bỏ 01 TTHC tại Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Đường thủy nội địa, Đường bộ, Đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa;

- Bãi bỏ 10 TTHC tại Quyết định số 3356/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đường bộ và Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa;

(có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 29/4/2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Thông tin và Truyền thông (Cổng DVC tỉnh);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/sửa đổi, bổ sung

(Sửa đổi, bổ sung 01 TTHC tại Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 28/7/2017; 01 TTHC tại Quyết định số 3556/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Đường thủy nội địa						
1	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa (1.009442.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới
2	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu (1.009443.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa). - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 4)	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới

3	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (1.009444.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa); - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 3).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới
4	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa (1.009445.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa); - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 4).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới
5	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa (1.009446.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Không		Mới

6	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa (1.009447.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa); - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 4).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới
7	Thiết lập khu neo đậu (1.009448.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới
8	Công bố hoạt động khu neo đậu (1.009449.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới

9	Công bố đóng khu neo đầu (1.009450.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa); - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 3).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới
10	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa. (1.009451.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới
11	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa (1.003658.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Phí thẩm định: 100.000 đồng/lần	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;	Sửa đổi Thời hạn giải quyết; căn cứ pháp lý

12	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa (1.004242.000.00.00.H56)	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Phí thẩm định: 100.000 đồng/lần	Thông tư 198/2016/TT – BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt	Sửa đổi Tên TTHC; Thời hạn giải quyết; Căn cứ pháp lý
13	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa (1.009452.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Chi cục đường thủy nội địa khu vực có văn bản trả lời; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư;	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới

		- Trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển, trước khi thẩm định, thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của Cảng vụ hàng hải bằng văn bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cảng vụ hàng hải có văn bản trả lời				
14	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (1.009453.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;	Mới
15	Công bố hoạt động bến thủy nội địa (1.009454.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Phí thẩm định: 100.000 đồng/lần	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Thông tư 198/2016/TT-BTC	Mới
16	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao	Phí thẩm định:	ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính	Mới

	thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (1.009455.000.00.00.H 56)	hồ sơ hợp lệ.	thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	100.000 đồng/lần	về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt	
17	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa (1.009456.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Phí thẩm định: 100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Thông tư 198/2016/TT – BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt	Mới
18	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (1.009458.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa); - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 4).	Phí thẩm định: 100.000 đồng/lần		Mới

19	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương (1.009459.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới
20	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên dùng khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng (1.009460.000.00.00.H 56)	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa); - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 3).	Chi phí liên quan khi đóng luồng chuyên dùng do tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng chi trả, trừ trường hợp đóng luồng vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh do cơ quan đề nghị đóng luồng chi trả.	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới

21	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng (1.009461.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa); - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 4).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới
22	Thoả thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa (1.009462.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới
23	Thoả thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa (1.009463.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới

24	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (1.009464.000.00.00.H 56)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới
25	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (1.009465.000.00.00.H 56)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa).	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	Mới

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

(Bãi bỏ 01 TTHC tại Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 08/7/2016; 01 TTHC tại Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 28/7/2017; 01 TTHC tại Quyết định số 3556/QĐ-UBND ngày 6/9/2019; 01 TTHC tại Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 22/01/2020; 10 TTHC tại Quyết định số 3356/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh).

STT	Số hồ sơ thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực Đường thủy nội địa			
1	1.003788.000.00.00.H56	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
2	1.003675.000.00.00.H56	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	
3	1.004248.000.00.00.H56	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	
4	1.001529.000.00.00.H56	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
5	1.001410.000.00.00.H56	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	
6	1.001426.000.00.00.H56	Thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy địa phương	

7	1.001429.000.00.00.H56	Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy địa phương	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
8	1.004252.000.00.00.H5	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa	
9	1.001531.000.00.00.H56	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	
10	1.001542.000.00.00.H56	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	
11	1.001406.000.00.00.H56	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	
12	1.001551.000.00.00.H56	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương	
13	1.001582.000.00.00.H56	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa, địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương	
14	1.001608.000.00.00.H56	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với các công trình thi công liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	